TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **191**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc T
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim K - Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B
Bà Thiều Thị Phi L – Nguyên cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh Đ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1405/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng, sinh năm 1990.
Địa chỉ: khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố B, Đ.
- Bị đơn: Ông Cao Ngọc Qu, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Khu phố 4, phường Long Bình, thành phố B, Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải - nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng trình bày:

Bà và ông Cao Ngọc Qu kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng từ tháng 11 năm 2016 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều điểm không đồng nhất, vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ đã nhiều lần vợ chồng cùng ngồi lại tìm cách

giải quyết mâu thuẫn nhưng tất cả đều không có kết quả. Đến đầu tháng 3 năm 2018, ông bà quyết định ly thân. Nay xét tình cảm không còn bà xin được ly hôn với ông Cao Ngọc Qu.

Về con chung: Có 01 con chung là Cao Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 16/6/2017. Ly hôn bà xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Kh; yêu cầu ông Cao Ngọc Qu cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/ tháng.

Hiện bà Ng đang làm cán bộ công nhân viên chức tại …….. Đ, thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 - 13.000.000 đồng/tháng. Thời gian làm việc từ 7 giờ 30 sáng đến 16 giờ 30 chiều.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Cao Ngọc Qu trình bày:

Ông và bà Ng kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng từ tháng 11 năm 2016 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng có nhiều điểm không đồng nhất, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên thông gia không hòa thuận. Nay xét tình cảm không còn bà Ng xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là Cao Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 16/6/2017. Ly hôn, ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng của hai bên để quyết định việc ai là người nuôi dưỡng cháu Kh, ông vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh.

Nếu Tòa án giao cháu Cao Nguyễn Anh Kh cho bà Ng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/ tháng. Nếu Tòa án giao cháu Cao Nguyễn Anh Kh cho ông chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng thì tạm thời, ông không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện ông đang công tác tại …. B; Mức thu nhập hàng tháng 12.712.680đ/tháng. Thời gian làm việc từ 7 giờ 30 sáng đến 16 giờ 30 chiều.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có Văn bản số 1203/CV-VKS-HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ng, ông Qu có đơn xin xét xử vắng mặt, nên tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, ông Qu theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ng, ông Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Bà Ng, ông Qu sau khi kết hôn chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Ng, ông Qu trình bày do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Qu, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho bà Ng, ông Qu hàn gắn đoàn tụ, nhưng bà Ng vẫn xin ly hôn, ông Qu cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng.

[4] Về con chung: Bà Ng, ông Qu có 01 con chung là cháu Cao Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 16/6/2017. Ly hôn bà Ng xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Kh; yêu cầu ông Cao Ngọc Qu cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/ tháng. Ông Kh cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Kh, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy cả bà Ng và ông Qu đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh là nguyện vọng chính đáng, thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con của mình. Cả ông Qu và bà Ng đều có đủ điều kiện về mọi mặt để chăm sóc cháu Kh. Xét hiện nay cháu Kh đang do bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, và cháu chỉ vừa tròn 03 tuổi, nên tiếp tục giao cháu Kh cho bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện ổn định về mọi mặt cho cháu. Ông Qu cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà Ng, ông Qu trình bày về tài sản chung, nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà Ng phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ng đã nộp tại biên lai số 0009390 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Ông Qu phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 203; Điều 220, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng và ông Cao Ngọc Qu.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Cao Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 16/6/2017 cho bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cao Ngọc Qu cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng từ tháng 8/2020 đến khi cháu Kh trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông Cao Ngọc Qu được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng và ông Cao Ngọc Qu trình bày về tài sản chung, nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ng đã nộp tại biên lai số 0009390 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Bà Ng đã nộp đủ án phí.

Ông Qu phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng và ông Cao Ngọc Qu được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKS (2)
-THA DS (1)
-Lưu (6)
-Đương sự (2)
- UBND nơi đăng ký KH.

Lê Ngọc T